|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂNTHÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**Số: /BC-SGDĐT**Dự thảo** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024* |
|  |  |

**BÁO CÁO**

**Về việc thực hiện các chế độ chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về Quy định Chính sách phát triển giáo dục mầm non quy định chính sách đối với cơ sở GDMN độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thục; chính sách trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp; chính sách đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở GDMN dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp*;*

Căn cứ Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo kết quả thực hiện thực hiện các chế độ chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

**I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH GDMN**

- Tình hình chung Giáo dục Mầm non (GDMN) của quận/huyện, thành phố Thủ Đức: Tính đến Tháng 10/2024 trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành, toàn Thành phố có 3.281 cơ sở GDMN; trong đó:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tổng số | Công lập | Ngoài công lập |  |
| Số trường | 1.261 | 474 | 787 |  |
| Tỉ lệ |  | 37.6% | 62.4% |  |
| Số nhóm/ lớp độc lập | 2.020 |  |  |  |
| Số trẻ | 309.244 | 142.130 | 167.114 |  |
| Tỉ lệ |  | 45.96% | 54.04% |  |
| Số CBQL | 2.903 | 1.270 | 1.633 |  |
| Tỉ lệ |  | 43.74% | 56.26% |  |
| Số giáo viên | 27.906 | 10.391 | 17.515 |  |
| Tỉ lệ |  | 37.2% | 62.8% |  |

- Quy mô cơ sở GDMN ở khu công nghiệp, khu chế xuất (KCN-KCX)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Tổng số | Công lập | Ngoài công lập |
| Số trường | 771 | 241 | 530 |
| Tỉ lệ |  | 31.25% | 68.75% |
| Số nhóm/ lớp độc lập | 1.590 |  |  |
| Số trẻ | 209.222 | 69.093 | 140.129 |
| Tỉ lệ |  | 33.02% | 66.98% |
| Số CBQL | 1.771 | 634 | 1.137 |
| Tỉ lệ |  | 35.8% | 64.2% |
| Số giáo viên | 17.747 | 5.575 | 12.172 |
| Tỉ lệ |  | 31.41% | 68.59% |

**II. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND** **ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh**

1. **Khái quát về chính sách**

Chính sách đối với cơ sở GDMN độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp “Cơ sở GDMN độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp được hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất 01 lần, bao gồm: trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em. Mức hỗ trợ tối thiểu 20.000.000 đồng/cơ sở GDMN độc lập; mức hỗ trợ tối đa 50.000.000 đồng/cơ sở giáo dục mầm non độc lập”;

Chính sách trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp“Trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định được hỗ trợ 160.000 đồng/trẻ/tháng, thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học”;

Chính sách đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở GDMN dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp“Giáo viên mầm non đang làm việc tại cơ sở GDMN thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp bảo đảm những điều kiện tại khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 105/2020/NĐ-CP được hỗ trợ 800.000 đồng/tháng; số lượng giáo viên trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục được hưởng hỗ trợ được tính theo định mức quy định đối với các cơ sở giáo dục mầm non công lập hiện hành; thời gian hưởng hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế trong năm học. Mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục với giáo viên và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp”.

1. **Kết quả triển khai thực hiện**

Giáo dục mầm non có vai trò đặc biệt quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng cho sự phát triển về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và thẩm mỹ đối với trẻ em, trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực, phát triển con người Việt Nam.

Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND thể hiện được sự quan tâm sâu sắc của Đảng bộ và chính quyền Thành phố đối với GDMN nói chung và GDMN tại địa bàn có KCN-KCX nói riêng, đặc biệt quan tâm đến chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Qua gần 03 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND đã đem lại những tác động tích cực đến các cơ sở GDMN, đội ngũ nhà giáo và đặc biệt đối với trẻ em mầm non, kết quả cụ thể như sau:

*- Chính sách đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Điều kiện được hưởng chính sách** | **Mức kinh phí hỗ trợ/cơ sở theo quy định**  | **Số cơ sở ĐLTT đã nhận hỗ trợ** | **Số kinh phí đã thực hiện**  |
| 2021-2022 | CSGDMNĐL dưới 30 trẻ | 20.000.000 | 9 | 180.000.000 |
| CSGDMNĐL từ 30 đến dưới 50 trẻ | 35.000.000 | 8 | 280.000.000 |
| CSGDMNĐL từ 50 trẻ đến 70 trẻ | 50.000.000 | 0 | 0.000 |
| **Tổng** |  |  | **17** | **460.000.000** |
| 2022-2023 | CSGDMNĐL dưới 30 trẻ | 20.000.000 | 6 | 120.000.000 |
| CSGDMNĐL từ 30 đến dưới 50 trẻ | 35.000.000 | 4 | 140.000.000 |
| CSGDMNĐL từ 50 trẻ đến 70 trẻ | 50.000.000 | 1 | 50.000.000 |
| **Tổng** |  |  | **11** | **310.000.000** |
| 2023-2024 | CSGDMNĐL dưới 30 trẻ | 20.000.000 | 4.00 | 80000.00 |
| CSGDMNĐL từ 30 đến dưới 50 trẻ | 35.000.000 | 4.00 | 140000.00 |
| CSGDMNĐL từ 50 trẻ đến 70 trẻ | 50.000.000 | 1.00 | 50000.00 |
| **Tổng** |  |  | **9** | **270.000.000** |
| **Tổng 3 năm** |  |  | **37** | **1.040.000.000** |

*- Chính sách trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Nội dung** | **Số tiền hỗ trợ 1 tháng/trẻ** | **Số trẻ đã được hỗ trợ** | **Tổng kinh phí đã hỗ trợ** |
| 2021-2022 | Trẻ nhà trẻ | 160.000 | 513 | 362.080.000 |
| Trẻ MG 3-4 tuổi | 160.000 | 654 | 542.960.000 |
| Trẻ MG 4-5 tuổi | 160.000 | 907 | 749.600.560 |
| Trẻ MG 5-6 tuổi | 160.000 | 471 | 433.361.120 |
| **Tổng** |  |  | **2.545** | **2.088.001.680** |
| 2022-2023 | Trẻ nhà trẻ | 160.000 | 1.181 | 932.705.280 |
| Trẻ MG 3-4 tuổi | 160.000 | 1.935 | 1.626.566.720 |
| Trẻ MG 4-5 tuổi | 160.000 | 2.263 | 1.897.691.440 |
| Trẻ MG 5-6 tuổi | 160.000 | 2.034 | 1.697.405.600 |
| **Tổng** |  |  | **7.413** | **6.154.369.040** |
| 2023-2024 | Trẻ nhà trẻ | 160.000 | 931 | 601.440.000 |
| Trẻ MG 3-4 tuổi | 160.000 | 1,430 | 1.170.400.000 |
| Trẻ MG 4-5 tuổi | 160.000 | 1,848 | 1.446.900,000 |
| Trẻ MG 5-6 tuổi | 160.000 | 1,568 | 1.140.940,000 |
| **Tổng** |  |  | **5.777** | **4.359.680.000** |
| **Tổng 3 năm** |  |  | **15.735** | **12.602.050.720** |

*- Chính sách đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Số tiền hỗ trợ 1 tháng/GV theo quy định** | **Số GVMN ngoài công lập đã nhận hỗ trợ** | **Tổng kinh phí đã hỗ trợ trong năm học** |
| 2021-2022 | 800.000 | 93 | 418.400.000 |
| 2022-2023 | 800.000 | 212 | 946.000.000 |
| 2023-2024 | 800.000 | 187 | 1.258.000.000 |
| **Tổng** | **800.000** | **492** | **2.622.400.000** |

1. **Đánh giá chung**

Qua triển khai thực hiện, Sở GDĐT nhận thấy chính sách phát triển GDMN ở địa bàn có khu công nghiệp theo Nghị quyết số 27/2021/HĐND đã được triển khai đến các cơ sở GDMN trên địa bàn Thành phố, thể hiện sự quan tâm hỗ trợ các chính sách cho cơ sở GDMN, đội ngũ giáo viên và trẻ em, đáp ứng nhu cầu cơ bản cho con công nhân làm việc tại KCN-KCX. Tuy nhiên, các chính sách chưa thực sự đáp ứng với thực tiễn, chưa đem lại hiệu quả cao trong quá trình triển khai thực hiện cụ thể như kinh phí hỗ trợ cho cơ sở GDMN độc lập để sửa chữa cơ sở vật chất, trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học chưa đáp ứng với giá cả thị trường, số trẻ, giáo viên và các cơ sở GDMN độc lập nhận hỗ trợ chưa cao với một số lý do:

- Các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn Thành phố đông, số trẻ em là con công nhân làm việc tại KCN-KCX được gửi tại các cơ sở GDMN chưa mang tính tập trung nên chưa đảm tiêu chuẩn 30% số trẻ là con công nhân để được hưởng chính sách.

- Một số trẻ là con của công nhân làm việc tại KCN-KCX nhưng chưa cung cấp kịp thời các thủ tục hồ sơ nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện chính sách. Bên cạnh đó, số tiền hỗ trợ (160.000 đồng/trẻ/tháng) còn thấp, chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Đối tượng hưởng chính sách chưa được mở rộng theo Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động; Công văn số 7237/BGDĐT-GDMN ngày 26/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phối hợp chỉ đạo thực hiện chính sách đối với GDMN tại địa bàn có KCN, nơi tập trung nhiều lao động nhằm mở rộng đối tượng hưởng chính sách; Công văn số 14479/VP-VX ngày 28/12/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chính sách đối với Giáo dục mầm non tại khu công nghiệp, nơi tập trung lao động.

- Đội ngũ giáo viên có trình độ trung học sư phạm mầm non (đang tham gia học nâng chuẩn hoặc đã hoàn thành khóa học nhưng chưa nhận bằng tốt nghiệp) chưa đáp ứng chuẩn trình độ đào tạo theo quy định và nhóm, lớp chưa đảm bảo trên 30% trẻ em là con công nhân nên không đủ điều kiện để nhận chính sách.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Giám đốc “*để báo cáo*”;- Các Phó Giám đốc “*để báo cáo*”;- Phòng KHTC, TCCB“*để phối hợp*”;- Lưu VT, GDMN (ĐT). |  **KT. GIÁM ĐỐC****PHÓ GIÁM ĐỐC** **Lê Thụy Mỵ Châu** |